

Số: **863** /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày **31** tháng **3** năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn giai đoạn 2017 – 2020  
và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 13/12 /2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành trồng trọt tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành nội dung ưu đãi, hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số **615** /TTr-SNN ngày **21/ 3** /2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

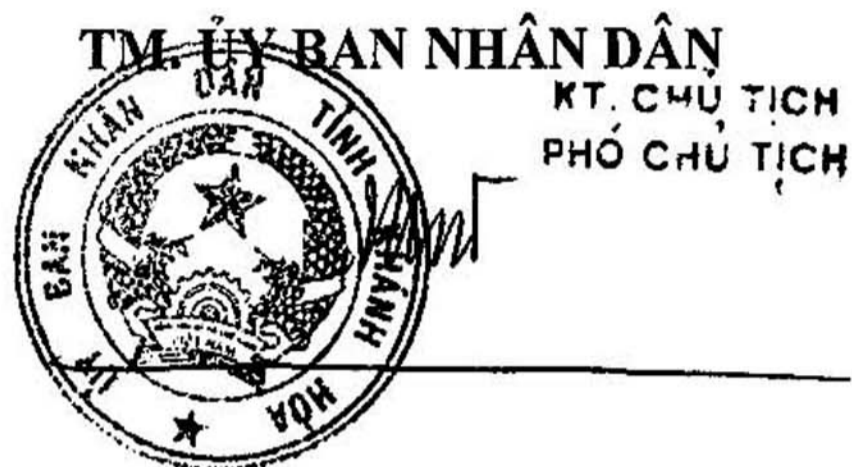
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh Ủy (b/c);
- TT HĐND (b/c);
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HB, Tle.



**Đào Công Thiên**

## **KẾ HOẠCH**

**Xây dựng cánh đồng lớn giai đoạn 2017 – 2020  
và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của  
UBND tỉnh Khánh Hòa)*

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Xây dựng cánh đồng lớn nhằm tổ chức lại sản xuất trên cơ sở liên kết giữa nông dân (cá nhân, hộ gia đình, trang trại) và doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi ứng dụng khoa học kỹ thuật vào khâu sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng hàng hóa trong nước và xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, lao động và nguồn vốn; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **a) Đến năm 2020**

- Có 2.457 ha đất nông nghiệp tham gia cánh đồng lớn, chiếm khoảng 3,0% diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh.
- Giá trị sản lượng trên 01 ha đất trồng trọt tham gia cánh đồng lớn đạt bình quân 100 triệu đồng, cao hơn 1,3 lần so với sản xuất đại trà.
- Hiệu quả kinh tế của dự án cánh đồng lớn là giảm chi phí sản xuất khoảng 10%, thu nhập tăng 10-15% so với phương thức sản xuất theo tập quán truyền thống.
- 20% sản phẩm trong cánh đồng lớn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.
- 75% Hợp tác xã tham gia cánh đồng lớn có hoạt động từ khá trở lên.
- 100% sản phẩm nông sản trên cánh đồng lớn được các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân tiêu thụ.

##### **b) Đến năm 2025**

- Mở rộng diện tích đất nông nghiệp tham gia cánh đồng lớn đạt 6.621 ha, chiếm khoảng 8,2% diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh.
- Giá trị sản lượng trên 01 ha đất trồng trọt tham gia cánh đồng lớn đạt bình quân 180 triệu đồng, cao hơn 1,2 lần so với sản xuất đại trà.

- Hiệu quả kinh tế của dự án cánh đồng lớn là giảm chi phí sản xuất khoảng 10%, thu nhập tăng 10 - 15% so với năm 2020.

- 50% sản phẩm trong cánh đồng lớn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

- 100% Hợp tác xã tham gia cánh đồng lớn có hoạt động từ khá trở lên.

- 100% sản phẩm nông sản trên cánh đồng lớn được các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân tiêu thụ.

## II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Xây dựng cánh đồng lớn trồng cây lương thực

Đến năm 2020, có 572 ha diện tích trồng cây lương thực tham gia cánh đồng lớn; trong đó có 552 ha diện tích trồng lúa (lúa giống, lúa chất lượng cao) và 20 ha diện tích trồng ngô.

Đến năm 2025, mở rộng diện tích trồng cây lương thực tham gia cánh đồng lớn đạt 1.449 ha; trong đó có 1.389 ha diện tích trồng lúa (lúa giống, lúa chất lượng cao) và 60 ha diện tích trồng ngô.

**Bảng 1. Diện tích trồng cây lương thực tham gia cánh đồng lớn**

*Đvt: ha*

T T	Cây trồng	Tổng cộng	Giai đoạn 2017-2020				Giai đoạn 2021-2025			
			Tổng cộng	Vạn Ninh	Ninh Hòa	Diên Khánh	Tổng cộng	Vạn Ninh	Ninh Hòa	Diên Khánh
1	Lúa	1.389	552	40	245	267	837	265	368	204
2	Ngô	60	20	20			40	40		
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.449</b>	<b>572</b>	<b>60</b>	<b>245</b>	<b>267</b>	<b>877</b>	<b>305</b>	<b>368</b>	<b>204</b>

### 2. Xây dựng cánh đồng lớn trồng cây công nghiệp ngắn ngày

Đến năm 2020, có 1.140 ha diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày (cây mía, cây dâu tằm) tham gia cánh đồng lớn; trong đó có 1.110 ha diện tích trồng mía và 30 ha diện tích trồng cây dâu tằm.

Đến năm 2025, mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày (cây mía, cây dâu tằm) tham gia cánh đồng lớn đạt 3.632 ha; trong đó có 3.602 ha diện tích trồng mía và 30 ha diện tích trồng cây dâu tằm.

**Bảng 2. Diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày tham gia cánh đồng lớn**

*Đvt: ha*

T T	Cây trồng	Tổng cộng	Giai đoạn 2017-2020				Giai đoạn 2021-2025			
			Tổng cộng	Ninh Hòa	Diên Khánh	Khánh Vĩnh	Tổng cộng	Ninh Hòa	Diên Khánh	Cam Lâm
1	Mía	3.602	1.110	832	87	191	2.492	2.350	92	50
2	Dâu tằm	30	30		30					
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.632</b>	<b>1.140</b>	<b>832</b>	<b>117</b>	<b>191</b>	<b>2.492</b>	<b>2.350</b>	<b>92</b>	<b>50</b>

### 3. Xây dựng cánh đồng lớn trồng cây lâu năm

Đến năm 2020, có 565 ha diện tích trồng cây lâu năm tham gia cánh đồng lớn; trong đó có 360 ha diện tích trồng xoài, 190 ha diện tích trồng bưởi và 15 ha diện tích trồng táo.

Đến năm 2025, mở rộng diện tích trồng cây lâu năm tham gia cánh đồng lớn đạt 1.260 ha; trong đó có 775 ha diện tích trồng xoài, 470 ha diện tích trồng bưởi và 15 ha diện tích trồng táo.

**Bảng 3. Diện tích trồng cây lâu năm tham gia cánh đồng lớn**

*Đvt: ha*

T T	Cây trồng	Tổng cộng	Giai đoạn 2017-2020					Giai đoạn 2021-2025				
			Tổng cộng	Ninh Hòa	Diên Khánh	Cam Lâm	Cam Ranh	Khánh Vĩnh	Tổng cộng	Ninh Hòa	Cam Lâm	Cam Ranh
1	Xoài	775	360		90	200	70		415		350	65
2	Bưởi	470	190	150				40	280	280		
3	Táo	15	15				15					
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.260</b>	<b>565</b>	<b>150</b>	<b>90</b>	<b>200</b>	<b>85</b>	<b>40</b>	<b>695</b>	<b>280</b>	<b>350</b>	<b>65</b>

### 5. Xây dựng cánh đồng lớn trồng cây thực phẩm

Đến năm 2020, có 180 ha diện tích trồng cây thực phẩm tham gia cánh đồng lớn; trong đó có 34 ha diện tích trồng rau, 130 ha diện tích trồng tỏi và 16 ha diện tích trồng ớt.

Đến năm 2025, mở rộng diện tích trồng cây thực phẩm tham gia cánh đồng lớn đạt 280 ha; trong đó có 34 ha diện tích trồng rau, 230 ha diện tích trồng tỏi và 16 ha diện tích trồng ớt.

**Bảng 4. Diện tích trồng cây thực phẩm tham gia cánh đồng lớn**

*Đvt: ha*

TT	Cây trồng	Tổng cộng	Giai đoạn 2017-2020				Giai đoạn 2021-2025		
			Tổng cộng	Vạn Ninh	Ninh Hòa	Diên Khánh	Cam Ranh	Tổng cộng	Vạn Ninh
1	Rau	34	34		20	14			
2	Tỏi	230	130	50	80		100	50	50
3	Ớt	16	16				16		
<b>Tổng cộng</b>		<b>280</b>	<b>180</b>	<b>50</b>	<b>100</b>	<b>14</b>	<b>100</b>	<b>50</b>	<b>50</b>

*(Chi tiết đính kèm Phụ lục 2,3 Quyết định này)*

## III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp về thông tin tuyên truyền

- Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Đoàn thể để phổ biến rộng rãi chủ trương xây dựng cánh đồng lớn; tuyên truyền sự cần thiết, tính hiệu quả và cơ chế, chính sách của nhà nước khi tham gia cánh đồng lớn để được sự đồng thuận và hưởng ứng của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân nhằm thực hiện tốt các hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản.

- Tổ chức công bố Kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Tuyên truyền, vận động thành lập các tổ chức đại diện của nông dân gắn với sản xuất và tiêu thụ từng loại sản phẩm cây trồng để tham gia thực hiện xây dựng cánh đồng lớn.

## **2. Giải pháp về giống cây trồng**

- Sử dụng các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với yêu cầu sản xuất, nhu cầu thị trường vào sản xuất trong cánh đồng lớn gắn với hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn gốc giống cây trồng để giúp cho người sản xuất hạn chế việc sử dụng cây giống kém chất lượng.

## **3. Giải pháp về tổ chức sản xuất**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020; vận động thành lập mới các tổ chức đại diện của nông dân tại các vùng sản xuất chưa có tổ chức đại diện của nông dân để thực hiện mô hình liên kết, xây dựng cánh đồng lớn.

- Tập huấn, nâng cao năng lực các tổ chức đại diện của nông dân tham gia cánh đồng lớn với các nội dung: Xây dựng Phương án sản xuất - kinh doanh, hướng dẫn ghi chép sổ sách kế toán, công tác kiểm tra, kiểm soát, đàm phán và ký kết hợp đồng liên kết...

## **4. Giải pháp về khoa học công nghệ**

- Đẩy mạnh tập huấn, khuyến nông và các dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao kỹ năng sản xuất, thu hoạch, bảo quản cho nông dân; tập huấn nâng cao kiến thức cho nông dân nắm và áp dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh.

- Áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ vào các dự án cánh đồng lớn để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản.

- Hướng dẫn, khuyến khích các đối tượng tham gia cánh đồng lớn áp dụng công nghệ cao, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) vào sản xuất.

## **5. Giải pháp về thị trường, xây dựng thương hiệu**

Triển khai có hiệu quả Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020.

- Đổi mới hình thức, phương pháp xúc tiến thương mại để quảng bá các sản phẩm trong cánh đồng lớn thông qua các cuộc hội chợ, triển lãm.

- Đẩy mạnh cung cấp thông tin về từng sản phẩm nông sản của có thể mạnh của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của các ngành để các Doanh nghiệp chủ động lựa chọn, bố trí sản xuất và thu mua hợp lý.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm trồng trọt xuất khẩu để đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và quy cách của các nước nhập khẩu.

## **6. Giải pháp kêu gọi doanh nghiệp tham gia cánh đồng lớn**

Tăng cường công tác xúc tiến doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm kêu gọi, thu hút doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ xây dựng cánh đồng lớn, vừa cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm nông sản cho nông dân.

## **7. Giải pháp đẩy mạnh đưa cơ giới hóa vào sản xuất**

Tăng cường triển khai thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, trong đó ưu tiên các vùng sản xuất cánh đồng lớn, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân sản xuất áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - thu hoạch - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ cơ giới hóa trong cánh đồng lớn như khâu làm đất đạt 100%; khâu gieo trồng, chăm bón, thu hoạch, chế biến đạt 80%.

## **8. Giải pháp đầu tư cơ sở hạ tầng**

Ngoài nguồn vốn của doanh nghiệp đối ứng, vốn ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng thông qua dự án (phương án) được UBND tỉnh phê duyệt, ưu tiên lồng ghép nguồn vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới để đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất tập trung xây dựng cánh đồng lớn, cụ thể:

- Về thủy lợi: tập trung đầu tư nâng cấp các hệ thống thủy lợi hiện có, bảo đảm cấp đủ nguồn nước tưới để đối với các khu vực sản xuất của cánh đồng lớn. Mở rộng việc áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm, tự động (tưới phun, tưới nhỏ giọt, tưới thấm...) đặc biệt đối với cây rau và cây ăn quả.

- Giao thông nông thôn: hoàn chỉnh hệ thống giao thông nội đồng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung cánh đồng lớn để đảm bảo việc vận chuyển hàng hóa thông suốt, thuận tiện cho việc vận chuyển vật tư và tiêu thụ sản phẩm.

- Điện phục vụ sản xuất: ưu tiên đầu tư điện phục vụ sản xuất ở một số vùng sản xuất tập trung nhằm từng bước hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **9. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

- Áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia cánh đồng lớn theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành nội dung ưu đãi, hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ khác của Trung ương như: Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Kế hoạch: 260.901 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 85.173 triệu đồng (vốn ĐTPT: 25.385 triệu đồng, vốn SNKT: 59.788 triệu đồng); chiếm tỷ lệ 32,7%;

- Vốn Doanh nghiệp, HTX đóng góp: 81.023 triệu đồng; chiếm tỷ lệ 31,0%;

- Vốn nhân dân đóng góp: 94.705 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 36,3%.

Cụ thể như sau:

##### **1. Giai đoạn 2017-2020**

Tổng kinh phí thực hiện: 121.035 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 37.574 triệu đồng (vốn ĐTPT: 10.433 triệu đồng, vốn SNKT: 27.141 triệu đồng); chiếm tỷ lệ 31,0%;

- Vốn Doanh nghiệp, HTX đóng góp: 40.991 triệu đồng; chiếm tỷ lệ 33,9%;

- Vốn nhân dân đóng góp: 42.470 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 35,1%.

##### **2. Giai đoạn 2021-2025**

Tổng kinh phí thực hiện: 139.867 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 47.599 triệu đồng (vốn ĐTPT: 14.952 triệu đồng, vốn SNKT: 32.647 triệu đồng); chiếm tỷ lệ 34,0%;

- Vốn Doanh nghiệp, HTX đóng góp: 40.033 triệu đồng; chiếm tỷ lệ 28,6%;

- Vốn nhân dân đóng góp: 52.235 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 37,4%.

\* Nguồn vốn ĐTPT ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Kế hoạch này là nguồn vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện dự án xây dựng cánh đồng lớn trồng mía (mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020). Các dự án xây dựng cánh đồng lớn còn lại sẽ lồng ghép nguồn vốn ĐTPT của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh về mức hỗ trợ vốn ngân sách thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020)

*(Chi tiết đính kèm Phụ lục 1 Quyết định này)*



## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; vận động, kêu gọi doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân tham gia xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia cánh đồng lớn.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các đối tượng tham gia cánh đồng lớn.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện kế hoạch và báo cáo kết quả theo quy định.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trình UBND tỉnh xem xét, bố trí vốn ngân sách để tổ chức thực hiện kế hoạch.

### **3. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định để thực hiện nội dung hỗ trợ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, quy trình cấp phát vốn cho đối tượng hưởng lợi từ cơ chế, việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương và các đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

### **4. Sở Công thương**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện các giải pháp về quảng bá và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nông sản trong cánh đồng lớn, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đẩy mạnh tiêu thụ nông sản từ các dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh.

### **5. Sở Khoa học và Công nghệ:**

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, ưu tiên đối với lĩnh vực trồng trọt, xây dựng và phát triển thêm các mô hình sản xuất có hiệu quả. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý tiến tới hình thành thương hiệu.

### **6. Sở Thông tin và Truyền thông.**

Chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Khánh Hòa thường xuyên thông tin, tuyên truyền chủ trương chính sách và các mô hình sản xuất theo cánh đồng lớn có hiệu quả đến các tập thể, cá nhân tổ chức sản xuất biết để tham gia xây dựng cánh đồng lớn theo kế hoạch đã được duyệt.

## **7. Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh.**

- Hướng dẫn, tư vấn pháp lý cho nông dân, tổ chức đại diện của nông dân quy trình, thủ tục ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng hoặc giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật.

- Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác, bảo vệ quyền lợi của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết.

## **8. Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa**

Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh tư vấn cho nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp xây dựng phương án vay vốn và sử dụng vốn phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể trong nông nghiệp, nông thôn được vay vốn kịp thời theo yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh.

## **9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Chỉ đạo các Phòng ban chuyên môn tham gia hướng dẫn, tư vấn pháp lý cho nông dân, tổ chức đại diện của nông dân; thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

- Chỉ đạo các UBND cấp xã tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chủ trương, chính sách của nhà nước cho các đối tượng tham gia cánh đồng lớn; xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất giữa nông dân và doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân để làm căn cứ cho việc xem xét nông dân được hưởng hỗ trợ theo dự án cánh đồng lớn.

- Tổ chức tìm kiếm, thu hút doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ, xây dựng cánh đồng lớn, vừa cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm nông sản cho nông dân.

- Hướng dẫn thành lập tổ chức đại diện của nông dân tham gia thực hiện dự án (phương án) cánh đồng lớn tại địa phương.

- Trước tháng 7 hàng năm, tổng hợp kế hoạch thực hiện xây dựng cánh đồng lớn gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định.

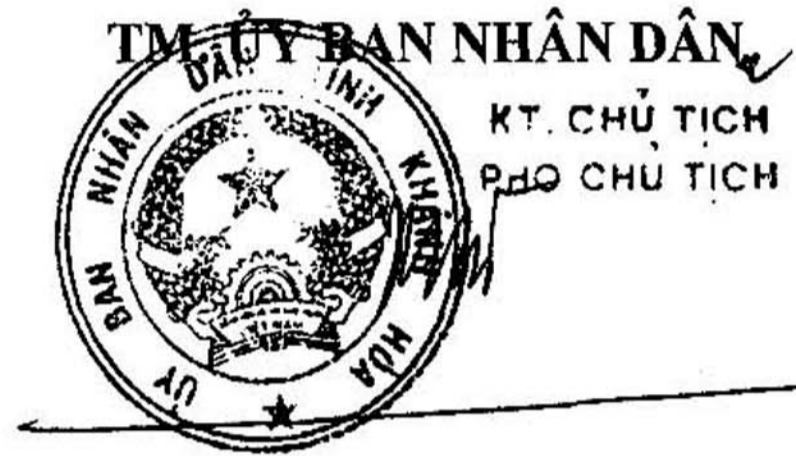
## **10. Doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân**

- Có đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng dự án cánh đồng lớn (theo mẫu quy định) gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, chấp thuận chủ trương. Sau khi được chấp thuận, tiến hành lập dự án cánh đồng lớn gửi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong hồ sơ dự án cánh đồng lớn.

- Đảm bảo thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng, trường hợp xảy ra tranh chấp trong thực hiện hợp đồng phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp xử lý, giải quyết.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.



Đào Công Thiên

**PHỤ LỤC 1: TỔNG KINH PHÍ XÂY DỰNG CẢNH ĐỒNG LỚN GIAI ĐOẠN 2017-2020  
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**  
(Đính kèm Quyết định số 863 /QĐ-UBND ngày 31 / 3 /2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đvt: triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Số lượng	ĐVT	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			Doanh nghiệp	HTX	Nông dân
					Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
<b>I</b>	<b>Giai đoạn 2017-2020</b>	<b>2.457</b>	<b>ha</b>	<b>121.035</b>	<b>37.574</b>	<b>10.433</b>	<b>27.141</b>	<b>19.269</b>	<b>21.722</b>	<b>42.470</b>
1	Huyện Vạn Ninh	110	ha	9.345	2.807	0	2.807	0	1.359	5.179
2	Thị xã Ninh Hòa	1.327	ha	67.724	21.348	8.765	12.583	17.503	7.056	21.817
3	Huyện Diên Khánh	488	ha	12.490	4.069	522	3.547	582	3.233	4.606
4	Huyện Cam Lâm	200	ha	15.845	4.385	0	4.385	0	6.000	5.460
5	Thành phố Cam Ranh	101	ha	7.782	2.196	0	2.196	0	2.874	2.713
6	Huyện Khánh Vĩnh	231	ha	7.849	2.769	1.146	1.623	1.184	1.200	2.696
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>	<b>4.164</b>	<b>ha</b>	<b>139.867</b>	<b>47.599</b>	<b>14.952</b>	<b>32.647</b>	<b>15.102</b>	<b>24.931</b>	<b>52.235</b>
1	Huyện Vạn Ninh	355	ha	10.898	3.529	0	3.529	0	1.776	5.593
2	Thị xã Ninh Hòa	3.048	ha	91.256	32.929	14.100	18.829	14.213	10.337	33.777
3	Huyện Diên Khánh	296	ha	3.607	1.542	552	990	582	367	1.116
4	Huyện Cam Lâm	400	ha	28.940	8.158	300	7.858	308	10.500	9.975
5	Thành phố Cam Ranh	65	ha	5.165	1.441	0	1.441	0	1.950	1.775
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.621</b>	<b>ha</b>	<b>260.901</b>	<b>85.173</b>	<b>25.385</b>	<b>59.788</b>	<b>34.371</b>	<b>46.653</b>	<b>94.705</b>

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC DỰ ÁN XÂY DỰNG CẢNH ĐỒNG LỚN**  
**GIẢI ĐOẠN 2017-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**  
*(Đính kèm Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 31 / 3 /2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

*Đvt: triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			Doanh nghiệp	HTX	Nông dân	Ghi chú
						Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT				
<b>A</b>	<b>Giai đoạn 2017-2020</b>		<b>2.457</b>	<b>ha</b>	<b>121.035</b>	<b>37.575</b>	<b>10.433</b>	<b>27.142</b>	<b>19.269</b>	<b>21.722</b>	<b>42.469</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Vạn Ninh</b>		<b>110</b>	<b>ha</b>	<b>9.345</b>	<b>2.808</b>	<b>0</b>	<b>2.808</b>	<b>0</b>	<b>1.359</b>	<b>5.178</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống	Vạn Phú	40	ha	237	98	0	98	0	72	67	
2	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi	Vạn Hưng	50		8.995	2.645		2.645	0	1.275	5.075	
3	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Ngô	Xuân Sơn	20	ha	113	65	0	65	0	12	36	
<b>II</b>	<b>Thị xã Ninh Hòa</b>		<b>1.327</b>	<b>ha</b>	<b>67.724</b>	<b>21.348</b>	<b>8.765</b>	<b>12.583</b>	<b>17.503</b>	<b>7.056</b>	<b>21.817</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thị xã Ninh Hòa	Ninh Thượng, Ninh Tây	272	ha	24.468	7.084	5.405	1.679	14.053		3.331	QĐ phê duyệt số 1493/QĐ-UBND ngày 31/5/2016
2	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Ninh Hưng, Ninh Thọ, Ninh Sơn, Ninh Đông, Ninh Thân	245	ha	1.491	638	0	638	0	441	412	
3	Xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thuộc thị xã Ninh Hòa	Ninh Tân, Ninh Quang, Ninh Sim, Ninh Thượng, Ninh Xuân	560	ha	13.620	5.466	3.360	2.106	3.450	0	4.704	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			Doanh nghiệp	HTX	Nông dân	Ghi chú
						Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT				
4	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Rau	Ninh Đông	20	ha	240	130	0	130	0	75	35	
5	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi	Ninh Vân, Ninh Phước	80	ha	16.010	4.730	0	4.730	0	2.040	9.240	
6	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi	Ninh Thân, Ninh Hưng, Ninh Sơn	150	ha	11.895	3.300	0	3.300	0	4.500	4.095	
<b>III</b>	<b>Huyện Diên Khánh</b>		<b>488</b>	<b>ha</b>	<b>12.490</b>	<b>4.069</b>	<b>522</b>	<b>3.547</b>	<b>582</b>	<b>3.233</b>	<b>4.606</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Diên Điền, Suối Tiên, Diên Hòa, Diên Bình, Diên Toàn, Diên Thạnh, Diên Lộc	267	ha	1.642	712	0	712	0	481	449	
2	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Rau	Diên Điền, Diên Phước	14	ha	165	88	0	88	0	53	25	
3	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài	Suối Tiên	90	ha	7.125	1.968	0	1.968	0	2.700	2.457	
4	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Cây Dâu tằm	Diên Đồng	30	ha	1.380	420	0	420	15	0	945	
5	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía	Diên Đồng, Diên Xuân	87	ha	2.178	880	522	358	567	0	731	
<b>IV</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>		<b>200</b>	<b>ha</b>	<b>15.845</b>	<b>4.385</b>	<b>0</b>	<b>4.385</b>	<b>0</b>	<b>6.000</b>	<b>5.460</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài	Cam Thành Bắc, Cam Hòa, Cam Hiệp Bắc	200		15.845	4.385	0	4.385	0	6.000	5.460	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			Doanh nghiệp	HTX	Nông dân	Ghi chú
						Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT				
<b>V</b>	<b>Thành phố Cam Ranh</b>		<b>101</b>	<b>ha</b>	<b>7.782</b>	<b>2.196</b>	<b>0</b>	<b>2.196</b>	<b>0</b>	<b>2.874</b>	<b>2.713</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài	Cam Phước Đông	70	ha	5.545	1.534	0	1.534	0	2.100	1.911	
2	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Táo	Cam Thành Nam	15	ha	1.200	341	0	341	0	450	410	
3	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Ớt	Cam Nghĩa	16	ha	1.037	321	0	321	0	324	392	
<b>VI</b>	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>		<b>231</b>	<b>ha</b>	<b>7.849</b>	<b>2.769</b>	<b>1.146</b>	<b>1.623</b>	<b>1.184</b>	<b>1.200</b>	<b>2.696</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi da xanh	Khánh Trung, Khánh Đông	40	ha	3.190	898	0	898	0	1.200	1.092	
2	Xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thuộc huyện Khánh Vĩnh	Khánh Nam, Khánh Thượng, Khánh Trung, Sông Cầu, Khánh Phú	191	ha	4.659	1.871	1.146	725	1.184	0	1.604	
<b>B</b>	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>		<b>4.164</b>	<b>ha</b>	<b>139.867</b>	<b>47.599</b>	<b>14.952</b>	<b>32.647</b>	<b>15.102</b>	<b>24.931</b>	<b>52.235</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Vạn Ninh</b>		<b>355</b>	<b>ha</b>	<b>10.898</b>	<b>3.529</b>	<b>0</b>	<b>3.529</b>	<b>0</b>	<b>1.776</b>	<b>5.593</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống	Vạn Lương, Vạn Phước, Vạn Long, Vạn Bình, Vạn Thắng, Vạn Phú, Vạn Hưng	265	ha	1.677	755	0	755	0	477	445	
2	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi	Vạn Hưng	50	ha	8.995	2.645	0	2.645	0	1.275	5.075	
3	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Ngô	Xuân Sơn, Vạn Phú	40	ha	226	129	0	129	0	24	73	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			Doanh nghiệp	HTX	Nông dân	Ghi chú
						Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT				
<b>II</b>	<b>Thị xã Ninh Hòa</b>		<b>3.048</b>	<b>ha</b>	<b>91.256</b>	<b>32.929</b>	<b>14.100</b>	<b>18.829</b>	<b>14.213</b>	<b>10.337</b>	<b>33.777</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Ninh Giang, Ninh Quang, Ninh Hà, Ninh Ích, Ninh Thân, Ninh Phú, Ninh Phụng, Ninh An	368	ha	2.441	1.161	0	1.161	0	662	618	
2	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi	Ninh Phước	50	ha	9.995	2.945	0	2.945	0	1.275	5.775	
3	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi	Ninh Tân, Ninh Tây, Ninh Thượng, Ninh Sim, Ninh Xuân	280	ha	22.195	6.151	0	6.151	0	8.400	7.644	
4	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ mía	Ninh Tân, Ninh Tây	2.350	ha	56.625	22.673	14.100	8.573	14.213	0	19.740	
<b>III</b>	<b>Huyện Diên Khánh</b>		<b>296</b>	<b>ha</b>	<b>3.607</b>	<b>1.542</b>	<b>552</b>	<b>990</b>	<b>582</b>	<b>367</b>	<b>1.116</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Diên Sơn, Diên Lâm, Diên Phú, Suối Hiệp, Diên Thọ, Diên Phước	204	ha	1.339	629	0	629	0	367	343	
2	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía	Diên Đồng, Diên Xuân, Diên Thọ, Diên Tân	92	ha	2.268	913	552	361	582	0	773	
<b>IV</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>		<b>400</b>	<b>ha</b>	<b>28.940</b>	<b>8.158</b>	<b>300</b>	<b>7.858</b>	<b>308</b>	<b>10.500</b>	<b>9.975</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài	Cam Hải Tây, Cam Đức, Suối Tân, Cam Tân, Cam Hiệp Nam	350	ha	27.725	7.670	0	7.670	0	10.500	9.555	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			Doanh nghiệp	HTX	Nông dân	Ghi chú
						Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT				
2	Xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thuộc huyện Cam Lâm	Cam Tân	50	ha	1.215	488	300	188	308	0	420	
<b>V</b>	<b>Thành phố Cam Ranh</b>		<b>65</b>	<b>ha</b>	<b>5.165</b>	<b>1.441</b>	<b>0</b>	<b>1.441</b>	<b>0</b>	<b>1.950</b>	<b>1.775</b>	
1	Xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài	Cam Thành Nam, Cam Thịnh Đông	65	ha	5.165	1.441	0	1.441	0	1.950	1.775	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6.621</b>	<b>ha</b>	<b>260.901</b>	<b>85.173</b>	<b>25.385</b>	<b>59.788</b>	<b>34.371</b>	<b>46.653</b>	<b>94.704</b>	

**PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CHI TIẾT DỰ ÁN XÂY DỰNG CẢNH ĐỒNG LỚN GIAI ĐOẠN 2017-2020  
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Đính kèm Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

*Đvt: triệu đồng*

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
	<b>Toàn tỉnh</b>		<b>6.621</b>	<b>ha</b>			<b>260.901</b>	<b>85.173</b>	<b>25.385</b>	<b>59.788</b>	<b>34.371</b>	<b>46.653</b>	<b>94.705</b>
	<b>Giai đoạn 2017-2020</b>		<b>2.457</b>	<b>ha</b>			<b>121.035</b>	<b>37.574</b>	<b>10.433</b>	<b>27.141</b>	<b>19.269</b>	<b>21.722</b>	<b>42.470</b>
	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>		<b>4.164</b>	<b>ha</b>			<b>139.867</b>	<b>47.599</b>	<b>14.952</b>	<b>32.647</b>	<b>15.102</b>	<b>24.931</b>	<b>52.235</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Vạn Ninh</b>		<b>465</b>	<b>ha</b>			<b>20.243</b>	<b>6.336</b>	<b>0</b>	<b>6.336</b>	<b>0</b>	<b>3.135</b>	<b>10.772</b>
	<b>Giai đoạn 2017-2020</b>		<b>110</b>	<b>ha</b>			<b>9.345</b>	<b>2.807</b>	<b>0</b>	<b>2.807</b>	<b>0</b>	<b>1.359</b>	<b>5.179</b>
	<b>Năm 2017</b>		<b>40</b>	<b>ha</b>			<b>237</b>	<b>98</b>	<b>0</b>	<b>98</b>	<b>0</b>	<b>72</b>	<b>67</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống</b>	<b>Xã Vạn Phú</b>	<b>40</b>		<b>Lúa</b>		<b>237</b>	<b>98</b>	<b>0</b>	<b>98</b>	<b>0</b>	<b>72</b>	<b>67</b>
	Giống		40	ha		2,4	96	29		29			67
	Thuốc BVTV		40	ha		1,2	96	24		24		72	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		40	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Năm 2018</b>		<b>50</b>	<b>ha</b>			<b>8.995</b>	<b>2.645</b>	<b>0</b>	<b>2.645</b>	<b>0</b>	<b>1.275</b>	<b>5.075</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi</b>	<b>Xã Vạn Hưng</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Tỏi</b>		<b>8.995</b>	<b>2.645</b>		<b>2.645</b>	<b>0</b>	<b>1.275</b>	<b>5.075</b>
	Giống		50	ha		80	4.000	1.200		1.200			2.800
	Thuốc BVTV		50	ha		17	1.700	425		425		1.275	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		50	ha		65	3.250	975		975			2.275
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
	<b>Năm 2019</b>		<b>20</b>	<b>ha</b>			<b>113</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>36</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Ngô</b>	<b>Xã Xuân Sơn</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Ngô</b>		<b>113</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>36</b>
	Giống		20	ha		2,6	52	16		16			36
	Thuốc BVTV		20	ha		0,4	16	4		4		12	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>		<b>355</b>	<b>ha</b>			<b>10.898</b>	<b>3.529</b>	<b>0</b>	<b>3.529</b>	<b>0</b>	<b>1.776</b>	<b>5.593</b>
	<b>Năm 2021</b>		<b>120</b>	<b>ha</b>			<b>728</b>	<b>332</b>	<b>0</b>	<b>332</b>	<b>0</b>	<b>192</b>	<b>204</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống</b>	<b>Xã Vạn Lương</b>	<b>40</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>237</b>	<b>98</b>		<b>98</b>		<b>72</b>	<b>67</b>
	Giống		40	ha		2,4	96	29		29			67
	Thuốc BVTV		40	ha		1,2	96	24		24		72	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống</b>	<b>Xã Vạn Phú</b>	<b>40</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>237</b>	<b>98</b>		<b>98</b>		<b>72</b>	<b>67</b>
	Giống		40	ha		2,4	96	29		29			67
	Thuốc BVTV		40	ha		1,2	96	24		24		72	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
<b>3</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống</b>	<b>Xã Vạn Bình</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>		<b>71</b>		<b>36</b>	<b>34</b>

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
<b>4</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Ngô</b>	<b>Xã Xuân Sơn</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Ngô</b>		<b>113</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>36</b>
	Giống		20	ha		2,6	52	16		16			36
	Thuốc BVTV		20	ha		0,4	16	4		4		12	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Năm 2022</b>		<b>90</b>	<b>ha</b>			<b>9.249</b>	<b>2.781</b>	<b>0</b>	<b>2.781</b>	<b>0</b>	<b>1.323</b>	<b>5.145</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi</b>	<b>Xã Vạn Hưng</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Tỏi</b>		<b>8.995</b>	<b>2.645</b>		<b>2.645</b>	<b>0</b>	<b>1.275</b>	<b>5.075</b>
	Giống		50	ha		80	4.000	1.200		1.200			2.800
	Thuốc BVTV		50	ha		17	1.700	425		425		1.275	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		50	ha		65	3.250	975		975			2.275
	Cơ sở hạ tầng												
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Ngô</b>	<b>Xã Vạn Phú</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Ngô</b>		<b>113</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>36</b>
	Giống		20	ha		2,6	52	16		16			36
	Thuốc BVTV		20	ha		0,4	16	4		4		12	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
3	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống</b>	<b>Xã Vạn Hưng</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>71</b>		<b>36</b>	<b>34</b>	
	Giống		20	ha		2,4	48	14	14			34	
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12	12		36		
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45	45				
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Năm 2023</b>		<b>30</b>	<b>ha</b>			<b>189</b>	<b>85</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>54</b>	<b>50</b>	
1	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống</b>	<b>Xã Vạn Phước</b>	<b>30</b>		<b>Lúa</b>		<b>189</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>54</b>	<b>50</b>
	Giống		30	ha		2,4	72	22	22			50	
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18	18		54		
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45	45				
	Tưới		30	ha		0	0	0	0			0	
	Cơ sở hạ tầng		0										
	<b>Năm 2024</b>		<b>85</b>	<b>ha</b>			<b>543</b>	<b>247</b>	<b>0</b>	<b>247</b>	<b>0</b>	<b>153</b>	<b>143</b>
1	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống</b>	<b>Xã Vạn Long</b>	<b>30</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>189</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>54</b>	<b>50</b>
	Giống		30	ha		2,4	72	22	22			50	
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18	18		54		
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45	45				
	Tưới		30	ha		0	0	0	0			0	
	Cơ sở hạ tầng		0										
2	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống</b>	<b>Xã Vạn Phú</b>	<b>40</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>237</b>	<b>98</b>	<b>98</b>		<b>72</b>	<b>67</b>	
	Giống		40	ha		2,4	96	29	29			67	
	Thuốc BVTV		40	ha		1,2	96	24	24		72		
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45	45				
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
3	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống	Xã Vạn Thắng	15	ha	Lúa		117	65		65		27	25
	Giống		15	ha		2,4	36	11		11			25
	Thuốc BVTV		15	ha		1,2	36	9		9		27	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
	Năm 2025		30	ha			189	85	0	85	0	54	50
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa giống	Xã Vạn Phú	30	ha	Lúa		189	85		85		54	50
	Giống		30	ha		2,4	72	22		22			50
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18		18		54	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
II	Thị xã Ninh Hòa		4.375	ha			158.980	54.278	22.865	31.413	31.716	17.393	55.594
	Giai đoạn 2017-2020		1.327	ha			67.724	21.348	8.765	12.583	17.503	7.056	21.817
	Năm 2017		552	ha			31.498	9.525	6.185	3.340	14.856	1.418	5.701
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thị xã Ninh Hòa	Xã Ninh Thượng, Ninh Tây	272	ha	Mía		24.468	7.084	5.405	1.679	14.053		3.331
2	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Xã Ninh Hưng	70	ha	Lúa		381	137		137		126	118
	Giống		70	ha		2,4	168	50		50			118
	Thuốc BVTV		70	ha		1,2	168	42		42		126	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPPT	Vốn SNKT			
<b>3</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Thọ</b>	<b>30</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>189</b>	<b>85</b>		<b>85</b>		<b>54</b>	<b>50</b>
	Giống		30	ha		2,4	72	22		22			50
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18		18		54	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
<b>4</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thuộc thị xã Ninh Hòa</b>	<b>Xã Ninh Tân, Ninh Quang, Ninh Sim</b>	<b>130</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>3.165</b>	<b>1.271</b>	<b>780</b>	<b>491</b>	<b>803</b>	<b>0</b>	<b>1.092</b>
	Giống		130	ha		12	1.560	468		468			1.092
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		130	ha		12	1.560	780	780		780		
<b>5</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Rau</b>	<b>Xã Ninh Đông</b>	<b>10</b>	<b>ha</b>	<b>Rau</b>		<b>120</b>	<b>65</b>		<b>65</b>	<b>0</b>	<b>38</b>	<b>18</b>
	Giống		10	ha		2,5	25	8		8			18
	Thuốc BVTV		10	ha		2,5	50	13		13		38	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
<b>6</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi</b>	<b>Xã Ninh Thân</b>	<b>40</b>	<b>ha</b>	<b>Bưởi</b>		<b>3.175</b>	<b>883</b>	<b>0</b>	<b>883</b>	<b>0</b>	<b>1.200</b>	<b>1.092</b>
	Giống		40	ha		9	360	108		108			252
	Thuốc BVTV		40	ha		20	1.600	400		400		1.200	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		40	ha		30	1.200	360		360			840
	Cơ sở hạ tầng		0										

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
	<b>Năm 2018</b>		<b>139</b>	<b>ha</b>			<b>8.914</b>	<b>2.690</b>	<b>0</b>	<b>2.690</b>	<b>0</b>	<b>1.807</b>	<b>4.417</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Sơn</b>	<b>19</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>136</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>34</b>	<b>32</b>
	Giống		19	ha		2,4	46	14		14			32
	Thuốc BVTV		19	ha		1,2	46	11		11		34	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		19	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Đông</b>	<b>40</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>237</b>	<b>98</b>	<b>0</b>	<b>98</b>	<b>0</b>	<b>72</b>	<b>67</b>
	Giống		40	ha		2,4	96	29		29			67
	Thuốc BVTV		40	ha		1,2	96	24		24		72	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		40	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
<b>3</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Thọ</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>34</b>
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
<b>4</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi</b>	<b>Xã Ninh Hưng</b>	<b>30</b>	<b>ha</b>	<b>Bưởi</b>		<b>2.385</b>	<b>666</b>	<b>0</b>	<b>666</b>	<b>0</b>	<b>900</b>	<b>819</b>
	Giống		30	ha		9	270	81		81			189
	Thuốc BVTV		30	ha		20	1.200	300		300		900	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		30	ha		30	900	270		270			630
	Cơ sở hạ tầng		0										



TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
5	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi	Xã Ninh Vân	30	ha	Tỏi		6.015	1.785	0	1.785	0	765	3.465
	Giống		30	ha		100	3.000	900		900			2.100
	Thuốc BVTV		30	ha		17	1.020	255		255		765	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		30	ha		65	1.950	585		585			1.365
	Cơ sở hạ tầng		0										
	<b>Năm 2019</b>		<b>386</b>	<b>ha</b>			<b>12.472</b>	<b>4.246</b>	<b>1.380</b>	<b>2.866</b>	<b>1.425</b>	<b>2.556</b>	<b>4.244</b>
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Xã Ninh Hưng	50	ha	Lúa		285	111	0	111	0	90	84
	Giống		50	ha		2,4	120	36		36			84
	Thuốc BVTV		50	ha		1,2	120	30		30		90	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		50	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
2	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Xã Ninh Thân	16	ha	Lúa		122	66	0	66	0	29	27
	Giống		16	ha		2,4	38	12		12			27
	Thuốc BVTV		16	ha		1,2	38	10		10		29	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		16	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
3	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía	Xã Ninh Thượng	80	ha	Mía		1.965	791	480	311	503	0	672
	Giống		80	ha		12	960	288		288			672
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		80	ha		12	960	480	480		480		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
<b>4</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía</b>	<b>Xã Ninh Sim</b>	<b>150</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>3.645</b>	<b>1.463</b>	<b>900</b>	<b>563</b>	<b>923</b>	<b>0</b>	<b>1.260</b>
	Giống		150	ha		12	1.800	540		540			1.260
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		150	ha		12	1.800	900	900		900		
<b>5</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Rau</b>	<b>Xã Ninh Đông</b>	<b>10</b>	<b>ha</b>	<b>Rau</b>		<b>120</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>38</b>	<b>18</b>
	Giống		10	ha		2,5	25	8		8			18
	Thuốc BVTV		10	ha		2,5	50	13		13		38	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
<b>6</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi</b>	<b>Xã Ninh Sơn</b>	<b>80</b>	<b>ha</b>	<b>Bưởi</b>		<b>6.335</b>	<b>1.751</b>	<b>0</b>	<b>1.751</b>	<b>0</b>	<b>2.400</b>	<b>2.184</b>
	Giống		80	ha		9	720	216		216			504
	Thuốc BVTV		80	ha		20	3.200	800		800		2.400	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		80	ha		30	2.400	720		720			1.680
	Cơ sở hạ tầng		0										
	<b>Năm 2020</b>		<b>250</b>	<b>ha</b>			<b>14.840</b>	<b>4.888</b>	<b>1.200</b>	<b>3.688</b>	<b>1.223</b>	<b>1.275</b>	<b>7.455</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía</b>	<b>Xã Ninh Xuân</b>	<b>200</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>4.845</b>	<b>1.943</b>	<b>1.200</b>	<b>743</b>	<b>1.223</b>	<b>0</b>	<b>1.680</b>
	Giống		200	ha		12	2.400	720		720			1.680
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		200	ha		12	2.400	1.200	1.200		1.200		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
2	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi	Xã Ninh Phước	50	ha	Tỏi		9.995	2.945	0	2.945	0	1.275	5.775
	Giống		50	ha		100	5.000	1.500		1.500			3.500
	Thuốc BVTV		50	ha		17	1.700	425		425		1.275	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		50	ha		65	3.250	975		975			2.275
	Cơ sở hạ tầng		0										
	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>		<b>3.048</b>	<b>ha</b>			<b>91.256</b>	<b>32.929</b>	<b>14.100</b>	<b>18.829</b>	<b>14.213</b>	<b>10.337</b>	<b>33.777</b>
	<b>Năm 2021</b>		<b>115</b>	<b>ha</b>	<b>ha</b>		<b>777</b>	<b>377</b>	<b>0</b>	<b>377</b>	<b>0</b>	<b>207</b>	<b>193</b>
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Phường Ninh Giang	30	ha	Lúa		189	85		85		54	50
	Giống		30	ha		2,4	72	22		22			50
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18		18		54	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
2	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Xã Ninh Quang	20	ha	Lúa		141	71	0	71	0	36	34
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
3	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Phường Ninh Hà	30	ha	Lúa		189	85	0	85		54	50

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
	Giống		30	ha		2,4	72	22		22			50
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18		18		54	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
<b>4</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Ích</b>	<b>15</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>117</b>	<b>65</b>		<b>65</b>		<b>27</b>	<b>25</b>
	Giống		15	ha		2,4	36	11		11			25
	Thuốc BVTV		15	ha		1,2	36	9		9		27	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
<b>5</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Thân</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>34</b>
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
	<b>Năm 2022</b>		<b>428</b>	<b>ha</b>			<b>14.880</b>	<b>4.734</b>	<b>900</b>	<b>3.834</b>	<b>923</b>	<b>4.166</b>	<b>5.058</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Quang</b>	<b>60</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>333</b>	<b>124</b>	<b>0</b>	<b>124</b>	<b>0</b>	<b>108</b>	<b>101</b>
	Giống		60	ha		2,4	144	43		43			101
	Thuốc BVTV		60	ha		1,2	144	36		36		108	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		60	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
2	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Phú</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>34</b>
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
3	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Phường Ninh Hà</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>34</b>
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
4	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Phường Ninh Hà</b>	<b>30</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>189</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>54</b>	<b>50</b>
	Giống		30	ha		2,4	72	22		22			50
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18		18		54	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		30	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
5	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Phụng</b>	<b>18</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>131</b>	<b>69</b>	<b>0</b>	<b>69</b>	<b>0</b>	<b>32</b>	<b>30</b>
	Giống		18	ha		2,4	43	13		13			30
	Thuốc BVTV		18	ha		1,2	43	11		11		32	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		18	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
6	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi</b>	<b>Xã Ninh Tân</b>	<b>30</b>	<b>ha</b>	<b>Bưởi</b>		<b>2.385</b>	<b>666</b>	<b>0</b>	<b>666</b>	<b>0</b>	<b>900</b>	<b>819</b>
	Giống		30	ha		9	270	81		81			189
	Thuốc BVTV		30	ha		20	1.200	300		300		900	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		30	ha		30	900	270		270			630
	Cơ sở hạ tầng		0										
7	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía</b>	<b>Xã Ninh Tân</b>	<b>150</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>3.645</b>	<b>1.463</b>	<b>900</b>	<b>563</b>	<b>923</b>	<b>0</b>	<b>1.260</b>
	Giống		150	ha		12	1.800	540		540			1.260
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		150	ha		12	1.800	900	900		900		
8	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi</b>	<b>Xã Ninh Tây</b>	<b>100</b>	<b>ha</b>	<b>Bưởi</b>		<b>7.915</b>	<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>2.730</b>
	Giống		100	ha		9	900	270		270			630
	Thuốc BVTV		100	ha		20	4.000	1.000		1.000		3.000	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		100	ha		30	3.000	900		900			2.100
	Cơ sở hạ tầng		0										
	<b>Năm 2023</b>		<b>820</b>	<b>ha</b>			<b>18.561</b>	<b>7.472</b>	<b>4.500</b>	<b>2.972</b>	<b>4.545</b>	<b>126</b>	<b>6.418</b>
1	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh An</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>34</b>
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
2	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Phường Ninh Hà</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>34</b>
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
3	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Ích</b>	<b>30</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>189</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>54</b>	<b>50</b>
	Giống		30	ha		2,4	72	22		22			50
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18		18		54	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		30	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
4	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía</b>	<b>Xã Ninh Tây</b>	<b>350</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>8.445</b>	<b>3.383</b>	<b>2.100</b>	<b>1.283</b>	<b>2.123</b>	<b>0</b>	<b>2.940</b>
	Giống		350	ha		12	4.200	1.260		1.260			2.940
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		350	ha		12	4.200	2.100	2.100		2.100		
5	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía</b>	<b>Xã Ninh Tây</b>	<b>400</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>9.645</b>	<b>3.863</b>	<b>2.400</b>	<b>1.463</b>	<b>2.423</b>	<b>0</b>	<b>3.360</b>
	Giống		400	ha		12	4.800	1.440		1.440			3.360
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		400	ha		12	4.800	2.400	2.400		2.400		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
	<b>Năm 2024</b>		<b>1.685</b>	<b>ha</b>			<b>57.038</b>	<b>20.346</b>	<b>8.700</b>	<b>11.646</b>	<b>8.745</b>	<b>5.838</b>	<b>22.109</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Phường Ninh Hà</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>34</b>
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Ninh Ích</b>	<b>15</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>117</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>27</b>	<b>25</b>
	Giống		15	ha		2,4	36	11		11			25
	Thuốc BVTV		15	ha		1,2	36	9		9		27	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		15	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
<b>3</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Tỏi</b>	<b>Xã Ninh Phước</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Tỏi</b>		<b>9.995</b>	<b>2.945</b>	<b>0</b>	<b>2.945</b>	<b>0</b>	<b>1.275</b>	<b>5.775</b>
	Giống		50	ha		100	5.000	1.500		1.500			3.500
	Thuốc BVTV		50	ha		17	1.700	425		425		1.275	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		50	ha		65	3.250	975		975			2.275
	Cơ sở hạ tầng		0										
<b>4</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi</b>	<b>Xã Ninh Thượng</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Bưởi</b>		<b>3.965</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>1.365</b>
	Giống		50	ha		9	450	135		135			315
	Thuốc BVTV		50	ha		20	2.000	500		500		1.500	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		50	ha		30	1.500	450		450			1.050
	Cơ sở hạ tầng		0										



TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
5	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi	Xã Ninh Sim	50	ha	Bưởi		3.965	1.100	0	1.100	0	1.500	1.365
	Giống		50	ha		9	450	135		135			315
	Thuốc BVTV		50	ha		20	2.000	500		500		1.500	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		50	ha		30	1.500	450		450			1.050
	Cơ sở hạ tầng		0										
6	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi	Xã Ninh Xuân	50	ha	Bưởi		3.965	1.100	0	1.100	0	1.500	1.365
	Giống		50	ha		9	450	135		135			315
	Thuốc BVTV		50	ha		20	2.000	500		500		1.500	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		50	ha		30	1.500	450		450			1.050
	Cơ sở hạ tầng		0										
7	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía	Xã Ninh Tây	700	ha	Mía		16.845	6.743	4.200	2.543	4.223	0	5.880
	Giống		700	ha		12	8.400	2.520		2.520			5.880
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		700	ha		12	8.400	4.200	4.200		4.200		
8	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía	Xã Ninh Tây	750	ha	Mía		18.045	7.223	4.500	2.723	4.523	0	6.300
	Giống		750	ha		12	9.000	2.700		2.700			6.300
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		750	ha		12	9.000	4.500	4.500		4.500		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
III	Huyện Diên Khánh		784	ha			16.097	5.611	1.074	4.537	1.164	3.600	5.721
	Giai đoạn 2017-2020		488	ha			12.490	4.069	522	3.547	582	3.233	4.606
	Năm 2017		111	ha			1.286	472	0	472	8	173	634
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Xã Diên Điền	22	ha	Lúa		151	74		74		40	37
	Giống		22	ha		2,4	53	16		16			37
	Thuốc BVTV		22	ha		1,2	53	13		13		40	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
2	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Xã Suối Tiên	20	ha	Lúa		141	71		71		36	34
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		0										
	Cơ sở hạ tầng		0										
3	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Xã Diên Hòa	54	ha	Lúa		304	116		116		97	91
	Giống		54	ha		2,4	130	39		39			91
	Thuốc BVTV		54	ha		1,2	130	32		32		97	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
4	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Dâu tằm	Xã Diên Đồng	15	ha	Dâu Tằm		690	210	0	210	8	0	473
	Giống		15	ha		15	225	68		68			158
	Thuốc BVTV		0	ha		0	0	0		0		0	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	8		8	8		
	Tưới		15	ha		30	450	135		135			315
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Năm 2018</b>		<b>179</b>	<b>ha</b>			<b>9.126</b>	<b>2.744</b>	<b>240</b>	<b>2.504</b>	<b>270</b>	<b>2.789</b>	<b>3.324</b>
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa	Xã Diên Bình	20	ha	Lúa		141	71	0	71	0	36	34
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
2	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Rau	Xã Diên Điền	4	ha	Rau		45	23	0	23	0	15	7
	Giống		4	ha		2,5	10	3		3			7
	Thuốc BVTV		4	ha		2,5	20	5		5		15	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		0			0	0						
	Cơ sở hạ tầng												
3	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài	Xã Suối Tiên	90	ha	Xoài		7.125	1.968	0	1.968	0	2.700	2.457
	Giống		90	ha		9	810	243		243			567
	Thuốc BVTV		90	ha		20	3.600	900		900		2.700	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		90	ha		30	2.700	810		810			1.890
	Cơ sở hạ tầng		0										

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
<b>5</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Rau</b>	<b>Xã Diên Phước</b>	<b>10</b>	<b>ha</b>	<b>Rau</b>		<b>120</b>	<b>65</b>		<b>65</b>		<b>38</b>	<b>18</b>
	Giống		10	ha		2,5	25	8		8			18
	Thuốc BVTV		10	ha		2,5	50	13		13		38	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới					0	0						
	Cơ sở hạ tầng												
<b>6</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Đậu tằm</b>	<b>Xã Diên Đồng</b>	<b>15</b>	<b>ha</b>	<b>Đậu Tằm</b>		<b>690</b>	<b>210</b>	<b>0</b>	<b>210</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>473</b>
	Giống		15	ha		15	225	68		68			158
	Thuốc BVTV		0	ha		0	0	0		0		0	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	8		8	8		
	Tưới		15	ha		30	450	135		135			315
	Cơ sở hạ tầng												
<b>7</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía</b>	<b>Xã Diên Đồng</b>	<b>40</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>1.005</b>	<b>407</b>	<b>240</b>	<b>167</b>	<b>263</b>	<b>0</b>	<b>336</b>
	Giống		40	ha		12	480	144		144			336
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		40	ha		12	480	240	240		240		
	<b>Năm 2019</b>		<b>129</b>	<b>ha</b>			<b>1.702</b>	<b>717</b>	<b>282</b>	<b>435</b>	<b>305</b>	<b>148</b>	<b>533</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Toàn</b>	<b>30</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>189</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>54</b>	<b>50</b>
	Giống		30	ha		2,4	72	22		22			50
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18		18		54	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		30	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPPT	Vốn SNKT			
2	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Thạnh</b>	<b>15</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>117</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>27</b>	<b>25</b>
	Giống		15	ha		2,4	36	11		11			25
	Thuốc BVTV		15	ha		1,2	36	9		9		27	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		15	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
3	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Lộc</b>	<b>37</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>223</b>	<b>94</b>	<b>0</b>	<b>94</b>	<b>0</b>	<b>67</b>	<b>62</b>
	Giống		37	ha		2,4	89	27		27			62
	Thuốc BVTV		37	ha		1,2	89	22		22		67	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		37	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
4	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết gắn với tiêu thụ mía</b>	<b>Xã Diên Xuân</b>	<b>47</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>1.173</b>	<b>474</b>	<b>282</b>	<b>192</b>	<b>305</b>	<b>0</b>	<b>395</b>
	Giống		47	ha		12	564	169		169			395
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		3	lớp		15	45	23		22,5	22,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		47	ha		12	564	282	282		282		
	<b>Năm 2020</b>		<b>69</b>	<b>ha</b>			<b>376</b>	<b>136</b>	<b>0</b>	<b>136</b>	<b>0</b>	<b>124</b>	<b>116</b>
1	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Hòa</b>	<b>69</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>376</b>	<b>136</b>	<b>0</b>	<b>136</b>	<b>0</b>	<b>124</b>	<b>116</b>
	Giống		69	ha		2,4	166	50		50			116
	Thuốc BVTV		69	ha		1,2	166	41		41		124	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		69	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>		<b>296</b>	<b>ha</b>			<b>3.607</b>	<b>1.542</b>	<b>552</b>	<b>990</b>	<b>582</b>	<b>367</b>	<b>1.116</b>
	<b>Năm 2021</b>		<b>49</b>	<b>ha</b>			<b>325</b>	<b>155</b>	<b>0</b>	<b>155</b>	<b>0</b>	<b>88</b>	<b>82</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Sơn</b>	<b>19</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>136</b>	<b>70</b>		<b>70</b>		<b>34</b>	<b>32</b>
	Giống		19	ha		2,4	46	14		14			32
	Thuốc BVTV		19	ha		1,2	46	11		11		34	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		0										
	Cơ sở hạ tầng		0										
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Lâm</b>	<b>30</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>189</b>	<b>85</b>		<b>85</b>		<b>54</b>	<b>50</b>
	Giống		30	ha		2,4	72	22		22			50
	Thuốc BVTV		30	ha		1,2	72	18		18		54	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Năm 2022</b>		<b>199</b>	<b>ha</b>			<b>2.962</b>	<b>1.234</b>	<b>552</b>	<b>682</b>	<b>582</b>	<b>193</b>	<b>953</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Phú</b>	<b>16</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>122</b>	<b>66</b>	<b>0</b>	<b>66</b>	<b>0</b>	<b>29</b>	<b>27</b>
	Giống		16	ha		2,4	38	12		12			27
	Thuốc BVTV		16	ha		1,2	38	10		10		29	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		16	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
2	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Suối Hiệp</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>285</b>	<b>111</b>	<b>0</b>	<b>111</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>84</b>
	Giống		50	ha		2,4	120	36		36			84
	Thuốc BVTV		50	ha		1,2	120	30		30		90	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		50	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
3	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Sơn</b>	<b>20</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>141</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>34</b>
	Giống		20	ha		2,4	48	14		14			34
	Thuốc BVTV		20	ha		1,2	48	12		12		36	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		20	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
4	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Thọ</b>	<b>21</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>146</b>	<b>73</b>	<b>0</b>	<b>73</b>	<b>0</b>	<b>38</b>	<b>35</b>
	Giống		21	ha		2,4	50	15		15			35
	Thuốc BVTV		21	ha		1,2	50	13		13		38	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		21	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
6	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thuộc huyện Diên Khánh</b>	<b>Xã Diên Thọ, Diên Đông, Diên Xuân, Diên Tân</b>	<b>92</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>2.268</b>	<b>913</b>	<b>552</b>	<b>361</b>	<b>582</b>	<b>0</b>	<b>773</b>
	Giống		92	ha		12	1.104	331		331			773
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		4	lớp		15	60	30		30,0	30,0		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		92	ha		12	1.104	552	552		552		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
	<b>Năm 2023</b>		<b>33</b>	<b>ha</b>			<b>203</b>	<b>89</b>	<b>0</b>	<b>89</b>	<b>0</b>	<b>59</b>	<b>55</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Diên Phước</b>	<b>33</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>203</b>	<b>89</b>	<b>0</b>	<b>89</b>	<b>0</b>	<b>59</b>	<b>55</b>
	Giống		33	ha		2,4	79	24		24			55
	Thuốc BVTV		33	ha		1,2	79	20		20		59	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		33	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
	<b>Năm 2024</b>		<b>15</b>	<b>ha</b>			<b>117</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>27</b>	<b>25</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Lúa</b>	<b>Xã Suối Hiệp</b>	<b>15</b>	<b>ha</b>	<b>Lúa</b>		<b>117</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>27</b>	<b>25</b>
	Giống		15	ha		2,4	36	11		11			25
	Thuốc BVTV		15	ha		1,2	36	9		9		27	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		15	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng		0										
<b>IV</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>		<b>600</b>	<b>ha</b>			<b>44.785</b>	<b>12.543</b>	<b>300</b>	<b>12.243</b>	<b>308</b>	<b>16.500</b>	<b>15.435</b>
	<b>Giai đoạn 2017-2020</b>		<b>200</b>				<b>15845</b>	<b>4385</b>	<b>0</b>	<b>4385</b>	<b>0</b>	<b>6000</b>	<b>5460</b>
	<b>Năm 2018</b>		<b>100</b>				<b>7.915</b>	<b>2.185</b>		<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>2.730</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Xã Cam Thành Bắc</b>	<b>100</b>	<b>ha</b>	<b>Xoài</b>		<b>7.915</b>	<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>2.730</b>
	Giống		100	ha		9	900	270		270			630
	Thuốc BVTV		100	ha		20	4.000	1.000		1.000		3.000	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		100	ha		30	3.000	900		900			2.100
	Cơ sở hạ tầng												



TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTP	Vốn SNKT			
	<b>Năm 2020</b>		<b>100</b>	<b>ha</b>			<b>7.930</b>	<b>2.200</b>	<b>0</b>	<b>2.200</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>2.730</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Xã Cam Hòa</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Xoài</b>		<b>3.965</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>1.365</b>
	Giống		50	ha		9	450	135		135			315
	Thuốc BVTV		50	ha		20	2.000	500		500		1.500	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		50	ha		30	1.500	450		450			1.050
	Cơ sở hạ tầng												
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Xã Cam Hiệp Bắc</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Xoài</b>		<b>3.965</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>1.365</b>
	Giống		50	ha		9	450	135		135			315
	Thuốc BVTV		50	ha		20	2.000	500		500		1.500	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		50	ha		30	1.500	450		450			1.050
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>		<b>400</b>	<b>ha</b>			<b>28.940</b>	<b>8.158</b>	<b>300</b>	<b>7.858</b>	<b>308</b>	<b>10.500</b>	<b>9.975</b>
	<b>Năm 2021</b>		<b>100</b>	<b>ha</b>			<b>7.915</b>	<b>2.185</b>		<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>2.730</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Xã Cam Hải Tây</b>	<b>100</b>	<b>ha</b>	<b>Xoài</b>		<b>7.915</b>	<b>2.185</b>		<b>2.185</b>		<b>3.000</b>	<b>2.730</b>
	Giống		100	ha		9	900	270		270			630
	Thuốc BVTV		100	ha		20	4.000	1.000		1.000		3.000	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		100	ha		30	3.000	900		900			2.100
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Năm 2023</b>		<b>100</b>	<b>ha</b>			<b>7.915</b>	<b>2.185</b>		<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>2.730</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Thị trấn Cam Đức</b>	<b>100</b>	<b>ha</b>	<b>Xoài</b>		<b>7.915</b>	<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>2.185</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>2.730</b>

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
	Giống		100	ha		9	900	270		270			630
	Thuốc BVTV		100	ha		20	4.000	1.000		1.000		3.000	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		100	ha		30	3.000	900		900			2.100
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Năm 2024</b>		<b>200</b>	<b>ha</b>			<b>13.110</b>	<b>3.788</b>	<b>300</b>	<b>3.488</b>	<b>308</b>	<b>4.500</b>	<b>4.515</b>
<b>1</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thuộc huyện Cam Lâm</b>	<b>Xã Cam Tân</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Mía</b>		<b>1.215</b>	<b>488</b>	<b>300</b>	<b>188</b>	<b>308</b>	<b>0</b>	<b>420</b>
	Giống		50	ha		12	600	180		180			420
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		1	lớp		15	15	8		7,5	7,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		50	ha		12	600	300	300		300		
<b>2</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Xã Suối Tân</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Xoài</b>		<b>3.965</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>1.365</b>
	Giống		50	ha		9	450	135		135			315
	Thuốc BVTV		50	ha		20	2.000	500		500		1.500	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		50	ha		30	1.500	450		450			1.050
	Cơ sở hạ tầng												
<b>3</b>	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Xã Cam Tân</b>	<b>50</b>	<b>ha</b>	<b>Xoài</b>		<b>3.965</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.100</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>1.365</b>
	Giống		50	ha		9	450	135		135			315
	Thuốc BVTV		50	ha		20	2.000	500		500		1.500	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		50	ha		30	1.500	450		450			1.050
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
4	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài	Xã Cam Hiệp Nam	50	ha	Xoài		3.965	1.100	0	1.100	0	1.500	1.365
	Giống		50	ha		9	450	135		135			315
	Thuốc BVTV		50	ha		20	2.000	500		500		1.500	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		50	ha		30	1.500	450		450			1.050
	Cơ sở hạ tầng												
V	Thành phố Cam Ranh		166	ha			12.947	3.636	0	3.636	0	4.824	4.487
	Giai đoạn 2017-2020		101	ha			7.782	2.196	0	2.196	0	2.874	2.713
	Năm 2018		70	ha			5.545	1.534	0	1.534	0	2.100	1.911
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài	Xã Cam Phước Đông	70	ha	Xoài		5.545	1.534	0	1.534	0	2.100	1.911
	Giống		70	ha		9	630	189		189			441
	Thuốc BVTV		70	ha		20	2.800	700		700		2.100	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		70	ha		30	2.100	630		630			1.470
	Cơ sở hạ tầng												
	Năm 2019		15	ha			1.200	341	0	341	0	450	410
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Táo	Xã Cam Thành Nam	15	ha	Xoài		1.200	341	0	341	0	450	410
	Giống		15	ha		9	135	41		41			95
	Thuốc BVTV		15	ha		20	600	150		150		450	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		15	ha		30	450	135		135			315
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
	<b>Năm 2020</b>		16	ha	Ớt		1.037	321	0	321	0	324	392
1	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Ớt</b>	<b>Phường Cam Nghĩa</b>	16			Ớt	1.037	321	0	321	0	324	392
	Giống		16	ha		35	560	168		168			392
	Thuốc BVTV		16	ha		13,5	432	108		108		324	
	Tập huấn		3	lớp		15	45	45		45			
	Tưới		16	ha		0	0	0		0			0
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>		65	ha			5.165	1.441	0	1.441	0	1.950	1.775
	<b>Năm 2021</b>		45	ha			3.570	992	0	992	0	1.350	1.229
1	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Xã Cam Thành Nam</b>	45	ha	Xoài		3.570	992	0	992	0	1.350	1.229
	Giống		45	ha		9	405	122		122			284
	Thuốc BVTV		45	ha		20	1.800	450		450		1.350	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		45	ha		30	1.350	405		405			945
	Cơ sở hạ tầng												
	<b>Năm 2022</b>		20	ha			1.595	449	0	449	0	600	546
1	<b>Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Xoài</b>	<b>Xã Cam Thịnh Đông</b>	20	ha	Xoài		1.595	449	0	449	0	600	546
	Giống		20	ha		9	180	54		54			126
	Thuốc BVTV		20	ha		20	800	200		200		600	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		20	ha		30	600	180		180			420
	Cơ sở hạ tầng												

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT			
VI	Huyện Khánh Vĩnh		231	ha			7.849	2.769	1.146	1.623	1.184	1.200	2.696
	Giai đoạn 2017-2020		231	ha		0	7.849	2.769	1.146	1.623	1.184	1.200	2.696
	Năm 2018		191	ha			4.659	1.871	1.146	725	1.184	0	1.604
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn sản xuất mía đường tại vùng nguyên liệu mía thuộc huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Nam, Khánh Thượng, Khánh Trung, Sông Cầu, Khánh Phú	191	ha	Mía		4.659	1.871	1.146	725	1.184	0	1.604
	Giống		191	ha		12	2.292	688		688			1.604
	Thuốc BVTV		0	ha		0		0					
	Tập huấn		5	lớp		15	75	38		37,5	37,5		
	Tưới												
	Cơ sở hạ tầng		191	ha		12	2.292	1.146	1.146		1.146		
	Năm 2019		20				1.595	449	0	449	0	600	546
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi	Xã Khánh Trung	20	ha	Bưởi		1.595	449	0	449	0	600	546
	Giống		20	ha		9	180	54		54			126
	Thuốc BVTV		20	ha		20	800	200		200		600	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		20	ha		30	600	180		180			420
	Cơ sở hạ tầng		0	ha									

TT	Tên dự án	Địa điểm	Số lượng	ĐVT	Cây trồng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng mức đầu tư	Ngân sách hỗ trợ			DN	HTX	Nông dân
								Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn KH			
	Năm 2020		20	ha			1.595	449	0	449	0	600	546
1	Dự án xây dựng cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ Bưởi	Xã Khánh Đông	20	ha	Bưởi		1.595	449	0	449	0	600	546
	Giống		20	ha		9	180	54		54			126
	Thuốc BVTV		20	ha		20	800	200		200		600	
	Tập huấn		1	lớp		15	15	15		15			
	Tưới		20	ha		30	600	180		180			420
	Cơ sở hạ tầng		0	ha									